

## PHẬT GIÁO THERAVADA TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - TỪ KHÍA CẠNH HÔN NHÂN

**Dặng Thị Kim Oanh**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

**TÓM TẮT:** Phật giáo Theravada tuy là một tôn giáo theo nguyên tắc “ly gia cắt ái” nhưng trên thực tế ở người Khmer ĐBSCL Phật giáo Theravada đã thể hiện rất rõ tính thế tục, ăn sâu vào mọi mặt đời sống của người Khmer ĐBSCL. Trong xã hội truyền thống của người Khmer, giáo lý nhà Phật là cơ sở cho các quy tắc điều hành quan hệ xã hội, việc quản lý xã hội vừa bao gồm quyền lực của cộng đồng vừa dựa vào tổ chức nhà chùa và chính điều này đã làm nên nét đặc thù của xã hội nông thôn Khmer truyền thống, khác hẳn với làng xã người Việt. Riêng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, từ quan niệm, quy tắc đến các nghi lễ trong hôn nhân, từ các lễ tục trong sinh hoạt hằng ngày đến các nghi lễ trong tang, tế của đời sống gia đình...vv đều thấm đẫm tư tưởng, triết lý và chịu sự chi phối sâu sắc của Phật giáo Theravada. Bài viết này nhằm mục đích tìm hiểu những ảnh hưởng và những chi phối gián tiếp và trực tiếp của Phật giáo Theravada trong hôn nhân và gia đình của người Khmer ĐBSCL, góp thêm dữ liệu để chứng minh về vai trò của Phật giáo Theravada trong đời sống của người Khmer ĐBSCL.

**Từ khóa:** Người Khmer, Phật giáo, ảnh hưởng, hôn nhân, gia đình.

### Mở đầu

Phật giáo Theravada còn gọi là Phật giáo Tiểu thừa dù chỉ du nhập vào xã hội người Khmer từ khoảng thế kỷ XIII, nhưng trong lịch sử cũng như hiện nay vẫn luôn là tôn giáo chủ yếu chi phối rất sâu đời sống tinh thần và xã hội của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Hầu hết người Khmer ở ĐBSCL đều theo Phật giáo Theravada, dù đang tu ở chùa hay sống tại gia mọi người Khmer đều tự coi mình là con Phật. Họ vừa là thành viên của sóc, vừa đồng thời là một tín đồ của Phật. Một cá nhân, từ khi mở mắt chào đời vô hình chung đã cùng với gia đình theo đạo Phật, lớn lên nam giới vào chùa tu để được học chữ,

học giáo lý nhà Phật mà trở thành người có văn hóa và nhân cách. Đến tuổi già sớm chiều vào ra vui buồn nương nhờ cửa Phật và cuối cùng khi chết đi tro cốt cũng được giữ lại ở tháp cốt trong chùa. Nhưng khác với nhiều tôn giáo khác, Phật giáo Theravada của người Khmer ĐBSCL không chỉ thực hiện chức năng tôn giáo mà còn đảm nhận các chức năng khác về văn hóa – xã hội, đạo đức lối sống đối với từng cá nhân và cả cộng đồng. Đây được xem là nét đặc trưng quan trọng và tiêu biểu của Phật giáo Theravada ở người Khmer ĐBSCL.

Nội dung bài tham luận này là tìm hiểu về những ảnh hưởng, chi phối của Phật giáo Theravada trong hôn nhân của người Khmer

ĐBSCL, như một minh chứng góp phần làm sáng tỏ thêm nhận định trên.

### **Vai trò của Phật giáo Theravada trong xã hội của người Khmer ĐBSCL**

Vai trò và sự chi phối của Phật giáo Theravada trong xã hội Khmer được thể hiện ở nhiều khía cạnh, nhưng trước hết là ở chức năng của ngôi chùa và vai trò vị trí của tầng lớp sư sãi trong xã hội. Trên toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 408 ngôi chùa, một chùa bình quân có 1.600 dân<sup>50</sup>. Ở mỗi sóc của đồng bào Khmer thường có một chùa, một vài sóc lớn có tới 2 chùa. Ngoài chức năng tôn giáo, Phật giáo Khmer còn đảm nhận các chức năng văn hóa – xã hội khác với từng cá nhân và cả cộng đồng. Ngôi chùa Khmer được xây dựng không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động tôn giáo mà còn cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa-xã hội của phum sóc. Ngôi chùa vừa là trung tâm tôn giáo, vừa là trung tâm văn hóa – xã hội của người Khmer. Mọi sự kiện lớn nhỏ trong sinh hoạt cộng đồng đều gắn với ngôi chùa. Lễ hội dân tộc, các hoạt động văn hóa- văn nghệ, vui chơi giải trí cũng ở khuôn viên chùa. Ngôi chùa là biểu tượng tinh thần của cộng đồng dân cư trong sóc, họ không tiếc tiền của, công sức để đóng góp xây dựng chùa và coi đó là việc làm công đức, là con đường đi đến sự giải thoát.

Trong xã hội của người Khmer sư sãi có vị trí đặc biệt. Trong tâm thức của người dân các chức sắc tôn giáo như Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức, Sư cả, Sư phó được coi là người

đại diện cho Đức Phật. Những lời giáo huấn của họ được nhân dân tôn trọng và thực hiện một cách nghiêm túc. Thông qua việc tụng kinh, thuyết pháp các sư sãi trở thành như những nhà giáo dục để giáo hóa dân chúng về đạo đức làm người, về lòng từ thiện, về những quy tắc ứng xử trong xã hội..... được rút ra từ các Phật thoại, Phật sử hay các chuyện ngụ ngôn. Và chính trong thời gian và không gian của các buổi lễ đó, tinh thần của các bài thuyết pháp đã đi vào lòng người dân một cách nhanh chóng và được mọi người tuân thủ một cách tự giác. Phải chăng, nhờ vậy trong cộng đồng người Khmer ĐBSCL, mọi người luôn đối xử với nhau bình đẳng thân ái, trọng đức hạnh và sẵn lòng giúp đỡ nhau. Cộng đồng cũng đánh giá, quý trọng mỗi cá nhân thông qua những nghĩa cử ấy. Trong gia đình, giáo dục Phật giáo góp phần tạo nên bầu không khí tốt đẹp trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng người Khmer ít khi ly dị nhau, cả hiện tượng đa thê cũng ít gặp. Con cái hết lòng tôn kính, quý trọng cha mẹ và nuôi nấng chăm sóc cha mẹ rất chu đáo lúc về già. Cha mẹ cũng thương yêu và đối xử công bằng với các con không phân biệt đàu, rể, trưởng, thứ.

Trong phong tục, tập quán của người Khmer, sự trưởng thành của một người con trai được coi là đã trải qua thời gian tu hành. Vì vậy, mọi người con trai Khmer trước kia đều phải vào chùa tu học. Đây là một nhu cầu của từng gia đình cũng như toàn xã hội Khmer. Đi tu để báo hiếu cho cha mẹ và cũng là thời gian người con trai Khmer được giáo dục một cách hoàn chỉnh nhất để trở thành người hoàn thiện.

---

<sup>50</sup> Sơn Nam (1970), *Đồng bằng sông Cửu Long hay văn minh miệt vườn*, An Tiêm, Sáo Gòn.

Có thể thấy, Phật giáo Theravada được người Khmer ĐBSCL sùng kính không phải vì sự hấp dẫn của giáo lý, đạo pháp đã đem lại những lợi ích thiết thực trong đời sống mà điều chính yếu là những hành động tôn giáo lưu truyền quen thuộc qua các thế hệ của người Khmer đã thành nếp sống, thành quy cách ứng xử mà mỗi thành viên của phum sóc mặc nhiên tuân theo. Sự sãi Khmer không xa lánh hoàn toàn với cuộc đời, thế sự, họ vừa chăm lo đời sống tâm linh của phật tử, vừa chăm sóc giúp đỡ phật tử trong cuộc sống hàng ngày. Khi có sự xích mích, kiện tụng xảy ra giữa các gia đình, sư sãi đứng ra phân xử, hòa giải; người bệnh tật hay gặp thiên tai hoạn nạn cũng đều tìm đến các vị sư để được an ủi trao đổi ý kiến; đám cưới, đám ma, niềm vui, nỗi buồn đều được các vị sư tụng kinh làm phước. Các vị sư sãi với triết lý sống làm phước đã đến với dân chúng trong lúc khó khăn nhất mà không cần bất cứ điều kiện nào, vì vậy họ được nhân dân kính trọng không phải đơn thuần chỉ vì chức năng, uy quyền tôn giáo mà vì sự gắn bó mật thiết giữa họ với dân chúng. Các vị sư được coi là những bậc thức giả, là linh hồn, niềm tự hào của phum sóc. Lời của các sư sãi được coi là biểu hiện lời dạy của Đức Phật, được mọi người quý trọng và tuân thủ. Những tinh hoa của Phật giáo Theravada được người Khmer xem là những giá trị cần phải vươn tới.

#### **Những ảnh hưởng và chi phối của Phật giáo Theravada trong hôn nhân.**

Phật giáo Theravada là tôn giáo theo nguyên tắc “*ly gia cát ái*” rất rõ nét, vì vậy đối với vấn đề hôn nhân và gia đình tưởng chừng có sự

cách biệt. Nhưng trên thực tế, qua khảo sát của chúng tôi nhận thấy hôn nhân Khmer ĐBSCL chịu chi phối của Phật giáo Theravada rất sâu sắc ở hai mức độ gián tiếp và trực tiếp, từ tư tưởng, triết lý đến việc thực hành các lễ thức. Và chính điều này đã làm nên nét đặc trưng tiêu biểu của hôn nhân của người Khmer ĐBSCL.

#### **Những ảnh hưởng và chi phối mang tính gián tiếp**

Trong hôn nhân, những ảnh hưởng và chi phối mang tính gián tiếp của Phật giáo Theravada được thể hiện, trước hết ở việc nhà chùa gián tiếp tham gia vào giáo dục tiền hôn nhân cho nam nữ Khmer. Ngoài ra, những quan niệm về hôn nhân và người bạn đời, nhiều nghi lễ trong hôn nhân, việc ít có ly hôn xảy ra... đều theo tinh thần hay bắt nguồn từ những sự tích trong kinh điển Phật giáo, thấm đẫm tư tưởng, triết lý Phật giáo.

Trong văn hóa của mỗi dân tộc, khi trai gái đến tuổi trưởng thành để có thể cưới vợ lấy chồng lập thành gia đình, ngoài vấn đề tuổi tác, thường có những dấu hiệu nhất định. Trong văn hóa truyền thống của người Khmer ĐBSCL, dấu hiệu của nam nữ thanh niên để có thể bước vào hôn nhân là người con trai phải qua thời gian tu học tại chùa và người con gái qua thời kỳ gọi là “*vào bóng mát*”.

Người con trai Khmer khi vào tu tại chùa không phải chỉ để học giáo lý nhà Phật và rèn luyện theo đạo pháp (thọ, giới, bố thí, niệm) mà còn học những điều giáo huấn của Phật giáo về đức hạnh, lòng nhân ái, những quy tắc ứng xử với mọi người để thành người có nhân cách,

phẩm chất và đạo đức tốt. Đặc biệt là họ được giáo dục răn dạy về đạo đức trách nhiệm khi trở thành người chồng và những điều cần có trong quan hệ vợ chồng. Ví dụ sách “Luật dạy con trai” (*Ch’báp brôs*) là loại giáo huấn ca, viết theo thể thơ Prôma ki, khuyên răn phải chăm chỉ, chịu khó, yêu thương và chăm sóc vợ. Lúc đã có gia đình rồi thì vợ chồng phải sống hòa thuận, phải tránh xa cờ bạc, rượu chè, đi điếm... Khi đã qua thời kỳ tu hành, người con trai được cộng đồng thừa nhận là người đã trưởng thành, dù điều kiện để xây dựng gia đình. Người con trai Khmer qua tu hành trở nên rất “có giá” và là hình mẫu lý tưởng của các cô gái Khmer. Người có thời gian tu càng lâu càng được mọi người coi trọng và trong mắt các cô gái càng trở nên sáng giá như là hình mẫu để mọi người noi theo.

Để chuẩn bị bước vào đời sống vợ chồng, người con gái Khmer cũng được chuẩn bị về cả thể chất và tinh thần. Điều này trước kia được người Khmer thực hiện bằng lễ tục “vào bóng mát”. Đây là thời kỳ người thiếu nữ được học thêu thùa, may vá, bếp núc và học làm người để trở thành một thiếu nữ có đủ được “nữ công gia chánh”. Cô cũng được dạy về cách ứng xử của người con gái khi lấy chồng theo tinh thần nhà Phật thông qua sách “Luật người con gái” (*Ch’báp srây*) mà nội dung cơ bản là dạy người con gái phải biết nhường nhịn, giàu tình thương và hy sinh để giữ cho quan hệ vợ chồng luôn được hòa thuận. Khi đã được trang bị những kiến thức ứng xử trong quan hệ vợ chồng, từ đây cô không còn là trẻ con nữa mà được xã hội xem như một thiếu nữ đã trưởng thành.

Nếu trước đây người ta gọi cô là “neang” thì từ đây mọi người gọi cô là “meâ” và có nghĩa từ đây cô đã được phép lấy chồng.

Được thấm nhuần tinh thần giáo dục như thế, khi lựa chọn con dâu hay con rể tương lai, người Khmer rất chú trọng xem xét tới nề nếp gia phong của gia đình dòng họ mà người đó xuất thân. Trong việc chọn lựa bạn đời, thanh niên nam nữ Khmer cũng luôn xem trọng vấn đề đức hạnh, sự trong trắng về mặt tâm hồn và sự giữ gìn trinh tiết của người con gái.

*Thấm đẫm tư tưởng bình đẳng, nhân ái Từ – Bi – Hi – Xả của Phật giáo nên nguyên tắc hôn nhân ở người Khmer cởi mở hơn so với nhiều tộc người khác, việc tiến hành hôn nhân dễ dàng không bắt buộc phải đồng dân tộc, đồng tôn giáo. Mặc dù theo quan niệm truyền thống, cha mẹ vẫn giữ quyền sắp đặt việc kết hôn của con cái. Tuy vậy, khi cho mình quyền lựa chọn, sắp đặt việc hôn nhân thì phần lớn cha mẹ vẫn rất quan tâm tới ý muốn của con và thường được bố mẹ tôn trọng hoặc chiều theo. Cũng không ít việc thanh niên nam nữ được tự do yêu đương, chủ động tìm hiểu rồi được bố mẹ chấp thuận xây dựng cho.*

Liên quan tới hôn nhân còn có vấn đề ly hôn. Sự đổ vỡ trong hôn nhân dẫn tới việc ly hôn, đối với bất cứ ai cũng là một việc bất đắc dĩ, ngoài mong muốn. Đối với người Khmer sống theo triết lý Phật giáo ly hôn lại càng bất đắc dĩ và ít khi xảy ra. Người con trai Khmer được tu học trong chùa, thấm nhuần tư tưởng Từ – Bi – Hi – Xả, sống phải lo tích đức, trong nghĩa vợ chồng coi trọng sự thủy chung hòa thuận, vì vậy họ không bỏ vợ vì nghèo khó, vì không có

con cái. Người phụ nữ Khmer cũng được giáo dục theo tinh thần Phật giáo, trọng đức hy sinh, tình nghĩa thủy chung, họ cũng không bỏ chồng nếu không phải là những trường hợp bất khả kháng. Những trường hợp phụ nữ bỏ chồng, trốn chồng bị coi là điều hết sức xấu xa và bị cộng đồng lên án rất gay gắt, phi báng, thậm chí không thể bước chân về phum sóc, không dám nhìn mặt ai, cha mẹ cũng không dám nhìn nhận con. Tuy vậy, mặc dù lên án nặng nề, cộng đồng cũng không có một qui định xử phạt nào đối với việc này. Bởi người Khmer quan niệm tất cả mọi việc đều do ý thức bản thân của mỗi người, người ta gieo hạt nào thì gặt quả ấy, khi một người làm điều xấu đã có địa ngục ngay trong chính con người họ rồi.

Hôn nhân truyền thống của người Khmer ĐBSCL trải qua một quy trình với rất nhiều các lễ tục, nghi thức mà trong đó ngoài những lễ do chính các nhà sư thực hiện (như lễ tụng kinh chúc phúc, lễ cột chỉ tay) thì phần lớn các lễ tục (như đưa chú rể tới nhà gái, múa mở rào, mở và trang điểm hoa cau, múa mở mâm trầu, múa cuốn chiếu, chú rể nắm đuôi áo cô dâu đi vào phòng tân hôn...) đều bắt nguồn từ các sự tích được ghi trong kinh điển Phật giáo mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp, chứa đựng những triết lý giáo dục về phẩm hạnh đạo đức, không chỉ đối với đôi vợ chồng trẻ mà còn đối với cả cộng đồng. Nó không chỉ có ý nghĩa cho cuộc hôn nhân, in đậm dấu ấn vào đời sống tinh thần của đôi vợ chồng trẻ mà còn chứa đựng các giá trị xã hội, là phương thức lưu giữ và trao truyền những giá trị văn hóa tộc người.

Có thể kể ra đây lễ tục Bông cau sinh lễ làm ví dụ: *Trong lễ cưới của người Khmer, có một sinh lễ đặc biệt quan trọng mà nhà trai phải hết sức coi trọng và chọn lựa kỹ lưỡng là bông cau còn nằm trong bẹ. Bất cứ một lễ cưới của người Khmer nào, dù giàu hay nghèo đến đâu, bông cau vẫn là một lễ vật không thể thiếu và không có bất kỳ một lễ vật nào khác thay thế được. Đó là sự tượng trưng cho người con gái trinh tiết trong trắng, như bông cau còn nguyên trong bẹ. Ngoài ra nó còn mang ý nghĩa tâm linh, người ta tin rằng khi mở ra nếu bông cau còn nguyên vẹn trắng tươi, không có tỳ vết là cuộc sống của hai vợ chồng sau này ấm no, hạnh phúc. Còn nếu mở ra mà bông cau có cành thối hoặc khiếm khuyết là điềm báo điều xui xẻo, gãy đổ, sự bất hạnh sẽ xảy ra cho cặp vợ chồng trong tương lai. Vì vậy, khi chọn hoa cau, người Khmer chọn rất kỹ lưỡng, họ đặt vào đó tất cả tình cảm, sự mong mỏi sẽ hái được một bông cau như ý. Về nguồn gốc của sinh lễ hoa cau, qua phỏng vấn sâu nhiều vị acha, maha chúng tôi đều nhận được kết quả tương tự nhau. Theo đó, sinh lễ hoa cau được bắt nguồn từ tích truyện có ghi trong kinh điển Phật giáo rằng: Ngày xưa, có chàng thanh niên Vithu Banh-đêch nổi tiếng là thông minh tuấn tú và tài thuyết pháp. Khi chàng hoàn tục, vua Thủy Tề muốn mời chàng xuống thủy cung nên treo giải ai mang được Vithu Banh-đêch tới thủy cung, nhà vua sẽ gả công chúa cho. Banh-đok Yăk (chăn tinh) tìm được Vithu Banh-đêch, làm cho chàng mê man bất tỉnh, rồi đem xuống thủy cung ra mắt vua Thủy Tề để lấy công chúa. Khi tỉnh dậy, nghe vua Thủy Tề kể hết*

mọi chuyện, Vithu Banh-đêch nói với vua Thủy Tề rằng: nếu công chúa Aây Roth-vatây và Banh-đok Yăk có duyên với nhau, nhà vua hãy ra thêm một điều kiện là trong một tuần Banh-đok Yăk phải tìm được “hoa nở trong buồng” làm quà sính lễ, nếu không sẽ không được lấy công chúa. Vua Thủy Tề ưng thuận đưa ra thêm điều kiện đó cho Banh-đok Yăk. Nhưng 6 ngày đã trôi qua, Banh-đok Yăk đi tìm hoa nở trong buồng khắp nơi mà không có. Buồn bã, nó ngồi tựa lưng vào gốc cây cau và thêm thiếp ngủ. Trong giấc ngủ chập chờn, nó nghe văng vẳng có tiếng ai mách bảo: hoa nở trong buồng chính là hoa của cây mà người đang ngồi dựa vào đó. Mừng rỡ, nó choàng tỉnh dậy, vội vàng leo lên cây cau cắt lấy buồng cau mang xuống, quan sát kỹ nó mới hiểu ra rằng đây chính là “hoa nở trong buồng” như điều kiện của nhà vua. Banh-đok Yăk liền đem buồng cau về làm sính lễ và cưới công chúa làm vợ. Từ tích truyện này, hoa cau trở thành sính lễ không thể thiếu trong lễ cưới của người Khmer.

### **3.2. Những ảnh hưởng và chi phối mang tính trực tiếp**

Không chỉ chi phối bằng những ảnh hưởng gián tiếp trên khía cạnh tinh thần tư tưởng, Phật giáo Theravada còn chi phối trực tiếp trong việc thực hành các nghi lễ trong hôn nhân của người Khmer ĐBSCL.

Việc thực hành quy trình các nghi lễ trong cưới hỏi luôn có sự chi phối trực tiếp của Phật giáo Theravada, trước hết là sự chi phối về thời gian cưới hỏi. Mùa cưới của nam nữ Khmer được tổ chức vào mùa khô, thường tập trung vào trước tết vào năm mới (Chôl chnăm

thmây), sau khi mùa màng đã gặt hái xong. Trong khi đó, người Khmer tuyệt đối không làm lễ cưới hỏi vào những tháng trong mùa nhập hạ (chôll vossa) của sư sãi, tức là 3 tháng mùa mưa (từ 15-6 đến 15-9 âm lịch). Vì nếu làm lễ cưới hỏi vào những tháng nhập hạ sẽ không có sự tham gia chứng giám và tụng kinh chúc phúc của các nhà sư là một điều bất hạnh không thể chấp nhận đối với người Khmer. Vì vậy, nếu có đôi trai gái nào đó thương yêu nhau, dù có mong muốn đến đâu và đã chuẩn bị mọi điều kiện đầy đủ như thế nào, nếu gặp phải mùa vào hạ thì cũng không thể vượt qua ngăn cản này và lễ cưới vẫn phải hoãn đến sau mùa nhập hạ.

Trong hôn nhân còn có những kiêng kỵ, trong 4 nghi lễ quan trọng Quan – Hôn – Tang – Tế thì Quan – Hôn là việc vui, đánh dấu sự trưởng thành bước vào một giai đoạn mới, cuộc đời mới, còn Tang – Tế là việc buồn của sự mất mát đau thương, sự kết thúc. Vì vậy, trong văn hóa của nhiều tộc người, khi một gia đình hay dòng họ đang có tang thì phải kiêng không tổ chức các lễ Quan, Hôn. Đối với người Khmer, việc cha mẹ mất hầu như không có ảnh hưởng gì đến hôn nhân của con cái. Người Khmer quan niệm rằng người chết khi đã được các sư sãi tụng kinh dẫn dắt linh hồn, thân xác đã được thiêu xong là đã chấm dứt mọi giằng buộc với trần tục và siêu thoát. Khi việc hỏa táng đã xong thì việc tang cũng chấm dứt, con cái có thể làm lễ kết hôn mà không bị ảnh hưởng gì hay bị coi là bất hiếu.

Trong lễ cưới của người Khmer ĐBSCL có một nghi lễ dành riêng cho các sư tụng kinh

chúc phúc là nghi lễ rất quan trọng mà không ai bỏ qua. Trong lễ tụng kinh, cô dâu chú rể ngồi vào vị trí trang trọng nhất trong nhà cưới, chấp hai tay chăm chú nghe sư sãi tụng kinh và vẩy nước thơm (tức op) chúc phúc. Sau khi đọc kinh, vị sư có phẩm hàm cao nhất đọc lời chúc và những lời khuyên dạy cô dâu chú rể về đạo nghĩa vợ chồng sống thủy chung, về đạo đức của người con đối với cha mẹ hai bên và đối với bà con thân tộc... Sau khi đọc lời khuyên, các sư đọc một đoạn kinh ngắn để mọi người đồng thanh đọc theo với nội dung là nhớ ơn những người quá cố, biết ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ bởi những gì có trong hiện tại là do phước đức của ông bà để lại.

Ngòai nghi lễ tụng kinh chúc phúc là một nghi lễ lớn, trang trọng trong lễ cưới, như đã trình bày trên, sự hiện diện của Phật giáo còn được thấy trong rất nhiều các tiểu tiết, hành động khác trong suốt lễ cưới. Có thể kể ra một số tiểu tiết sau:

- Trong nghi lễ đưa chú rể sang nhà gái, khi đoàn nhà trai được đón vào nhà gái thì trước tiên cô dâu chú rể cùng hai bên gia đình làm lễ tam bảo trước bàn thờ Phật để cầu mong sự chứng giám và phù hộ của đức Phật.

- Trong Lễ nhuộm răng (Pithi th'vơ th'mênh) người ta chỉ nhuộm răng cho cô dâu để tẩy trừ nọc độc (theo truyền thuyết Hoàng tử Thông (Pras Thôn) lấy công chúa Rắn-Neang Nec) mà không nhuộm răng chú rể, vì chú rể đã qua thời gian tu hành nên không bị độc hại.

- Sau lễ mở hoa cau, việc cắt các nhánh hoa cau được xoay vòng 3 lần và mỗi người khi cắt

phải cắt đúng 3 nhánh cau với ý nghĩa nhớ ơn tam bảo.

- Trong lễ cột chỉ tay, khi chú rể được cột chỉ thì cô dâu phải đưa cả hai tay của mình đỡ dưới tay chú rể nâng lên, còn khi cô dâu được cột chỉ, chú rể chỉ dùng một tay cầm tay cô dâu đưa lên mà thôi. Sự khác biệt này có ý nghĩa rằng chú rể đã có thời gian được tu học trong chùa, là người có tri thức và hiểu biết nên cô dâu phải kính trọng, còn chú rể cầm tay cô dâu như là người nâng đỡ đui dắt người chưa được học hành.

Sau lễ cưới ba ngày, một lần nữa đôi vợ chồng mới cùng cha mẹ vợ đem lễ vật (bình hoa cau trường-Ph'ca sla ch'bon- cơm nước, bánh trái) đi chùa, thường tới ngôi chùa mà trước kia chú rể đã tu học, để lễ Phật và để được sư cả tụng kinh, chúc phúc. Như vậy, mở đầu lễ cưới với sự tham gia chúc phúc của các sư thì kết thúc các nghi thức của lễ cưới, để đôi vợ chồng mới trở lại với cuộc sống thường nhật, cũng được tiến hành trong chùa với sự tham gia của các sư sãi.

Tóm lại, tuy là một tôn giáo theo nguyên tắc “ly gia cắt ái” những trên thực tế Phật giáo Theravada của người Khmer ĐBSCL đã thể hiện rất rõ tính thế tục, ăn sâu vào mọi mặt đời sống của người Khmer ĐBSCL. Trong xã hội truyền thống của người Khmer, giáo lý nhà Phật là cơ sở cho các quy tắc điều hành quan hệ xã hội, việc quản lý xã hội vừa bao gồm quyền lực của cộng đồng vừa dựa vào tổ chức nhà chùa và chính điều này đã làm nên nét đặc thù của xã hội nông thôn Khmer truyền thống. Những tìm hiểu của chúng tôi trong bài này về

vị trí, vai trò của tầng lớp sư sãi, ngôi chùa và những ảnh hưởng chi phối trực tiếp cũng như gián tiếp trong hôn nhân của người Khmer

ĐBSCL đã góp thêm dữ liệu để chứng minh điều đó.

## **THERAVADA BUDDHISM IN KHMER PEOPLE'S LIFE IN THE MEKONG DELTA – FROM THE ANGLE OF MARRIAGE**

**Dang Thi Kim Oanh**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

**ABSTRACT:** *Theravada Buddhism, although it is a religion based on the principle of “ly gia cắt ái” which means “leaving family and cutting off love, in reality, for the Khmer people in the Mekong River Delta, Theravada Buddhism has very clearly shown secularization into all aspects of Khmer people’s life. In Khmer traditional society, Theravada Buddhism teachings are the foundation for rules which operate social relationship, social management including both the power of community and of pagodas, which creates special features of Khmer traditional agricultural society, completely different from Vietnamese villages and communes. Particularly, in the field of marriage and family, from concepts, rules to wedding rituals, from rites and customs in daily life to funeral rituals of family life etc. all are absorbed and profoundly influenced by Theravada Buddhism ideology and philosophy. The paper aims to learn about influences, and direct as well as indirect impacts of Theravada Buddhism on marriage and family life of the Khmer in the Mekong Delta, contributing more data to prove the role of Theravada Buddhism in the life of Khmer people in the Mekong Delta.*

**Keywords:** *the Khmer, Buddhism, influence, marriage, family.*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Trần Văn Bôn (2002), *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*, ĐHQG Hà Nội.
- [2]. Sơn Nam (1970), *Đồng bằng sông Cửu Long hay văn minh miệt vườn*, An Tiêm, Sáo Gòn.
- [3]. Đặng Thị Kim Oanh, *Hôn nhân và gia đình của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, LATS Lịch sử, năm 2008.
- [4]. Đặng Thị Kim Oanh (2001, 2002, 2004, 2005, 2006) *Tư liệu điền dã*, tại các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang.
- [5]. Thạch Voi – Hoàng Túc (1988), “Phong tục nghi lễ của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long”, *Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam bộ*. Tổng hợp Hậu Giang.